

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4448 /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

V/v báo giá cân bằng động máy nghiền thứ cấp
đá vôi B và các động cơ điện
trong nhà máy (Lần 2)

Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị lập dự toán: *Cân bằng động máy nghiền thứ cấp đá vôi B và các động cơ điện trong nhà máy.* Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu tuân thủ theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá dịch vụ theo Phụ lục đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn, Bình Khê, Quảng Ninh).

- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn - Bình Khê - Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Bà Nguyễn Thị Phương - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0355.232.850).

- Thời gian báo giá: Chậm nhất ngày 12/12/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão



PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Kèm theo Văn bản số 4448 /NĐĐT-KHVT ngày 08 /12/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Cân bằng động máy nghiền thứ cấp tuyến B đá vôi với thông số kỹ thuật như sau : Mã hiệu (GUNLACH 40B2C4R589) Tải trọng toàn bộ của máy (kg) : 4173Kg, Kích thước bao(mm) : 2213x1834x1616mm (phần thân máy), Tải trọng lớn nhất (kg) : 626 kg (Lồng ngoài), Công suất máy (t/h) : 30t/h, Kích thước lồng trong (mm): Φ862 x 318mm, Kích thước lồng ngoài (mm) : Φ1017 x 382mm, Đường kính rô to: Φ165 vs Φ74, Chiều dài rô to : 1492mm, Tốc độ lồng trong : 900RPM, Tốc độ lồng ngoài : 900RPM.	Lần	4			
2	Động cơ điện hạ áp, công suất >1kW÷3kW	Cái	2			
3	Động cơ điện hạ áp, công suất >3kW÷10kW	Cái	2			
4	Động cơ điện hạ áp, công suất >10kW÷30kW	Cái	2			
5	Động cơ điện hạ áp, công suất >30kW÷50kW	Cái	2			
6	Động cơ điện hạ áp, công suất >50kW÷100kW	Cái	2			
7	Động cơ điện hạ áp, công suất >100kW÷150kW	Cái	2			
8	Động cơ điện hạ áp, công suất >150kW÷200kW	Cái	2			
9	Động cơ cao áp 6600 V, công suất 301 kW÷500kW	Cái	1			
10	Động cơ cao áp 6600 V, công suất 501kW÷1000 kW	Cái	1			

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
11	Động cơ cao áp 6600 V, công suất 1001kW÷2000 kW	Cái	1			
12	Động cơ cao áp 6600 V, công suất >2000 kW (đối với động cơ gói bạc)	Cái	1			
	Tổng					
	Thuế GTGT					
	Tổng cộng					
Bảng chữ:						

PHỤ LỤC 2. CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Văn bản số 4448 /NĐĐT-KHVT ngày 08 /12/2025
của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

- Nghiệm thu kỹ thuật: Sau khi Bên B thực hiện cân bằng động thiết bị đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Yêu cầu đầu ra
1	Thông số giá trị cân bằng động máy nghiền thứ cấp B đá vôi	Độ rung khi có tải tại gối trục máy nghiền, động cơ $\leq 4,5$ mm/s;
2	Động cơ điện hạ áp, công suất $>1\text{kW} \div 3\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 4.5 mm/s
3	Động cơ điện hạ áp, công suất $>3\text{kW} \div 10\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 4.5 mm/s
4	Động cơ điện hạ áp, công suất $>10\text{kW} \div 30\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 4.5 mm/s
5	Động cơ điện hạ áp, công suất $>30\text{kW} \div 50\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 2.8 mm/s
6	Động cơ điện hạ áp, công suất $>50\text{kW} \div 100\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 2.8 mm/s
7	Động cơ điện hạ áp, công suất $>100\text{kW} \div 150\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 2.8 mm/s
8	Động cơ điện hạ áp, công suất $>150\text{kW} \div 200\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 2.8 mm/s
9	Động cơ cao áp 6600 V, công suất $301\text{kW} \div 500\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 4.5 mm/s
10	Động cơ cao áp 6600 V, công suất $501\text{kW} \div 1000\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 4.5 mm/s
11	Động cơ cao áp 6600 V, công suất $1001\text{kW} \div 2000\text{kW}$	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 4.5 mm/s
12	Động cơ cao áp 6600 V, công suất $>2000\text{kW}$ (đối với động cơ gối bạc)	Độ rung có tải gối trục động cơ ≤ 2.8 mm/s

